
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5- 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 – 38
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	7 – 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018</i>	12 – 13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018</i>	14 – 37
Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000040 ngày 24 tháng 4 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 23 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 số 0101030402 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 6 năm 2015 về đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi vốn điều lệ từ 383.110.000.000 đồng thành 603.110.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23: 603.110.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (04) 3719 4353
Fax : (04) 3718 3635
E-mail : info@daichau.vn
Mã số thuế : 0 1 0 1 0 3 0 4 0 2

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đường Đức Hóa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Năng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Quang	Ủy viên
Ông Lê Quốc Việt	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đường Lan Phương	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đường Đức Hóa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Năng	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đường Đức Hóa

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 1306.02/2018/BCTC-NVT2
Ngày : 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do những vấn đề mô tả tại đoạn “cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

(1) Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa (Công ty liên kết) để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn. Do đó, Kiểm toán viên chưa có cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản mục “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

(2) Năm 2014 Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu này được tạm ứng để thực hiện dự án Công trình hỗn hợp Văn phòng và nhà ở, căn hộ để bán tại phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội. Năm 2017 Công ty đã chuyển nhượng dự án này, tuy nhiên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư phải thu tiền tạm ứng thực hiện dự án Phú Thượng chưa được thu hồi là khoảng 50 tỷ đồng (xem thuyết minh số V.5); Đối với các khoản tạm ứng đã thu hồi, Công ty thực hiện cho các tổ chức, cá nhân vay (xem thuyết minh số V.4), 6 tháng cuối năm 2018 Công ty không thực hiện tính lãi phải thu của khoản tiền cho vay này. Bằng các thủ tục kiểm toán áp dụng, chúng tôi không đánh giá được mức độ ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2018-124-1

Kiểm toán viên

Hồ Xuân Hà

GCNĐKHNTK số: 1603-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		618.397.735.923	598.157.139.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.474.313.862	28.669.694.706
1. Tiền	111		2.474.313.862	3.669.694.706
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		548.640.751.067	497.810.181.895
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	12.378.694.031	14.526.216.350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	16.384.153.554	16.829.385.450
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	436.166.509.192	276.756.055.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	86.873.127.856	191.524.866.036
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.161.733.566)	(1.826.340.941)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	67.065.289.391	71.675.613.285
1. Hàng tồn kho	141		73.627.952.842	72.933.256.535
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.562.663.451)	(1.257.643.250)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		217.381.603	1.650.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	1.650.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		217.381.603	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.713.012.570	71.094.105.123
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	4.623.175.938
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	4.623.175.938
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.181.954.388	4.948.372.344
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.181.954.388	4.948.372.344
<i>Nguyên giá</i>	222		36.241.956.917	35.368.840.553
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(33.060.002.529)	(30.420.468.209)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	27.768.000.000	27.768.000.000
<i>Nguyên giá</i>	231		27.768.000.000	27.768.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	33.750.000.000	33.750.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		33.250.000.000	33.250.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		500.000.000	500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.058.182	4.556.841
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	13.058.182	4.556.841
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		683.110.748.493	669.251.245.009

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		51.382.730.240	36.807.499.956
I. Nợ ngắn hạn	310		51.162.722.240	36.807.499.956
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	29.940.281.017	12.831.613.480
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	300.000.000	3.776.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.937.246	1.575.241.847
4. Phải trả người lao động	314		467.188.644	425.437.625
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	18.571.815	258.830.060
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.565.632.953	7.542.662.379
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	12.700.996.000	10.141.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	166.114.565	256.714.565
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		220.008.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	220.008.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		631.728.018.253	632.443.745.053
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	631.728.018.253	632.443.745.053
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		603.109.880.000	603.109.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.109.880.000	603.109.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.329.176.600	8.329.176.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14.550.000)	(14.550.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.293.837.340	4.293.837.340
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.009.674.313	16.725.401.113
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.725.401.113	19.431.686.923
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(715.726.800)	(2.706.285.810)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		683.110.748.493	669.251.245.009

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Thanh Bình



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	56.465.828.403	149.665.829.513
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		56.465.828.403	149.665.829.513
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	59.374.976.836	157.385.185.682
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2.909.148.433)	(7.719.356.169)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.991.722.636	16.332.480.361
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.457.702.391	(168.013.947)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.457.702.391	2.011.003.516
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	495.246.889	1.284.991.721
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.107.006.642	4.745.022.177
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.618.281	2.751.124.241
11. Thu nhập khác	31	VI.7	185.147	283.900
12. Chi phí khác	32	VI.8	694.667.007	5.457.693.951
13. Lợi nhuận khác	40		(694.481.860)	(5.457.410.051)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(671.863.579)	(2.706.285.810)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		43.863.221	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(715.726.800)</u>	<u>(2.706.285.810)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(12)</u>	<u>(45)</u>

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Bình



Đường Đức Hoà

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(715.726.800)	(2.706.285.810)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.639.534.320	2.734.069.653
- Các khoản dự phòng	03	6.640.412.826	(803.030.547)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.991.722.636)	(10.880.426.332)
- Chi phí lãi vay	06	1.457.702.391	2.011.003.516
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(969.799.899)	(9.644.669.520)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(206.438.708.993)	145.715.152.107
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(694.696.307)	19.434.178.111
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	11.922.737.777	(7.858.247.283)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.851.341)	17.740.571
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.454.687.909)	(2.052.626.943)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(39.925.975)	(5.071.511.329)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(90.600.000)	(94.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(197.772.532.647)	140.445.315.714
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(948.480.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	872.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.129.545.808)	(401.796.055.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	163.540.000.000	193.448.945.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	58.188.258.018
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.335.173.611	10.531.748.149
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	168.797.147.803	(138.755.103.833)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	39.026.773.110	53.908.329.901
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.246.769.110)	(81.220.001.901)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.780.004.000	(27.311.672.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(26.195.380.844)	(25.621.460.119)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	28.669.694.706	54.291.154.825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	2.474.313.862	28.669.694.706

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Bình



Đương Đức Hoá

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

3. **Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nhựa tổng hợp; Bán buôn phân bón; Sản xuất, mua bán các mặt hàng cao su và sản phẩm làm từ cao su; Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Kinh doanh mặt hàng ắc quy các loại;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Kinh doanh mì ăn liền và rau quả, thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Sản xuất, chế biến, mua bán hàng nông sản; sản xuất chế biến nông sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô; Vận chuyển khách theo tuyến cố định; Vận chuyển hành khách bằng taxi, vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển khách du lịch;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng;
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Chi tiết: dịch vụ ăn uống(không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar...);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:**

Số liệu BCTC năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Á Châu là 23.190 VND/USD

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

7. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là giá trị quyền sử dụng đất tại khu Cây đa Phương Bảng, Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội, thời hạn sử dụng đến năm 2043, mục đích sử dụng đất là trồng cây ăn quả lâu năm. Công ty không khấu hao đối với bất động sản này.

8. **Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

11. **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.461.433.330	3.653.095.679
Tiền gửi ngân hàng	12.880.532	16.599.027
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	25.000.000.000
Cộng	<u>2.474.313.862</u>	<u>28.669.694.706</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (Geleximco)	3.055.162.245	1.379.770.293
Chi nhánh công ty cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình	5.382.148.700	-
Công ty TNHH xe nâng Bình Minh	-	8.006.073.199
Công ty CPTM và kinh đoàn tổng hợp Hưng Phát	50.001	2.397.421.527
Các khách hàng khác	3.941.333.085	2.742.951.331
Cộng	<u>12.378.694.031</u>	<u>14.526.216.350</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Mai Hùng An(*)	1.068.483.000	1.068.483.000
Ông Phạm Minh Tuấn- Dự án khu Việt Long (*)	15.145.756.000	15.145.756.000
Các đối tượng khác	169.914.554	615.146.450
Cộng	<u>16.384.153.554</u>	<u>16.829.385.450</u>

(*) Là khoản ứng trước tiền nhận chuyển nhượng đất thương phẩm thuộc dự án khu biệt thự, nhà vườn, dịch vụ giải trí, du lịch Quang Minh tại xã Quang Minh (Mê Linh). Hiện tại công ty đang xúc tiến hoàn tất các thủ tục sang tên, chuyển quyền sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Hữu Tường	23.041.975.000	24.485.000.000
Ông Đào Ngọc Chương	29.952.000.000	15.000.000.000
Ông Nguyễn Đăng Hùng	36.000.000.000	16.000.000.000
Ông Ngô Trọng Hường	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Trần Văn Khang	24.000.000.000	24.000.000.000
Ông Nguyễn Kim Tuấn	26.900.000.000	26.900.000.000
Ông Nguyễn Sỹ Lâm	17.000.000.000	17.000.000.000
Ông Lưu Chí Hùng	15.080.000.000	15.080.000.000
Ông Nguyễn Khắc Nghĩa	53.000.000.000	15.000.000.000
Ông Trần Ngọc Tuấn	16.930.000.000	13.180.000.000
Ông Nguyễn Văn Tám	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Phan Văn Tuấn	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Tống Thị Thanh Hà	7.706.300.000	-
Ông Vũ Lã Minh	78.926.234.192	23.111.055.000
Ông Nguyễn Quang Hải	35.000.000.000	21.000.000.000
Cho vay các đối tượng khác	42.630.000.000	36.000.000.000
Cộng (*)	<u>436.166.509.192</u>	<u>276.756.055.000</u>

(*) Nguồn tiền cho các tổ chức, cá nhân vay được hình thành từ việc thu hồi các khoản tạm ứng thực hiện dự án Công trình hỗn hợp Văn phòng và nhà ở, căn hộ để bán tại phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2014 và tiền lãi cho vay thu được qua các năm từ các khoản cho vay này.

5. Phải thu khác**a. Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	49.647.117.719	154.955.404.924
Tạm ứng thành viên HĐQT, ban kiểm soát	-	89.300.124.924
<i>Trong đó tạm ứng từ đợt tăng vốn ngày 03/12/2014</i>	-	51.520.000.000
Tạm ứng đối tượng khác	49.647.117.719	65.655.280.000
Lãi dự thu các đối tượng khác	1.226.010.137	569.461.112
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (*)	<u>36.000.000.000</u>	<u>36.000.000.000</u>
Cộng	<u>86.873.127.856</u>	<u>191.524.866.036</u>

(*) Là khoản hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Thương mại Tổng hợp theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 12/HĐHTĐT ký ngày 21 tháng 12 năm 2016. Theo đó Công ty Cổ phần tập đoàn Đại Châu và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Thương mại Tổng hợp cùng liên kết góp vốn để thực hiện "Dự án khu nhà ở cao tầng" tại lô đất CC3, khu đô thị Mỹ Đình II, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tổng mức đầu tư để thực hiện dự án là 80 tỷ đồng, Công ty Cổ phần tập đoàn Đại Châu góp 36 tỷ đồng, tương đương 45% tổng vốn đầu tư

b. Phải thu khác dài hạn

Là khoản ký quỹ bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Á Châu- Chi nhánh Hà Thành để bảo lãnh bảo hành Công trình An Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.826.340.941	1.707.997.275
Trích lập dự phòng bổ sung	1.335.392.625	118.343.666
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>3.161.733.566</u>	<u>1.826.340.941</u>

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi được trình bày tại phụ lục 1.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	46.283.778.545	-	34.486.295.026	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.601.488.629	-	25.786.525.841	-
Thành phẩm	8.715.113.805	(5.327.056.336)	9.532.863.805	(1.257.643.250)
Hàng hóa	3.027.571.863	(1.235.607.115)	3.127.571.863	-
Cộng	<u>73.627.952.842</u>	<u>(6.562.663.451)</u>	<u>72.933.256.535</u>	<u>(1.257.643.250)</u>

8. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng.

b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.556.841	23.947.412
Phát sinh trong năm	13.990.909	-
Kết chuyển chi phí trong năm	(5.489.568)	(19.390.571)
Số cuối năm	<u>13.058.182</u>	<u>4.556.841</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CAO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.706.042.605	25.949.828.964	521.818.182	191.150.802	35.368.840.553
Mua trong năm	-	-	873.116.364	-	873.116.364
Số cuối năm	8.706.042.605	25.949.828.964	1.394.934.546	191.150.802	36.241.956.917
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.101.859.776	6.138.094.714	521.818.182	191.150.802	7.952.923.474
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.091.949.245	22.647.873.214	489.494.948	191.150.802	30.420.468.209
Tăng trong năm do khấu hao	538.726.028	1.981.173.420	119.634.872	-	2.639.534.320
Số cuối năm	7.630.675.273	24.629.046.634	609.129.820	191.150.802	33.060.002.529
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.614.093.360	3.301.955.750	32.323.234	-	4.948.372.344
Số cuối năm	1.075.367.332	1.320.782.330	785.804.726	-	3.181.954.388

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 873.116.364 VND và 785.804.726 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Đô.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng 3.386,6 m² đất tại khu Cây đa Phương Bảng, Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội, thời hạn sử dụng đến năm 2043, mục đích sử dụng đất là trồng cây ăn quả lâu năm. Lô đất này được Công ty mua lại của cá nhân và Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Ông Đường Đức Hóa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

11. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	33.250.000.000	-	33.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa ⁽ⁱ⁾	31.000.000.000	-	31.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu ⁽ⁱⁱ⁾	2.250.000.000	-	2.250.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	33.750.000.000	-	33.750.000.000	-

⁽ⁱ⁾ Là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/10/HĐHTĐT ngày 12 tháng 3 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa. Nội dung của hợp đồng hợp tác đầu tư để khai thác mỏ Chì kẽm, đầu tư nhà máy tuyển tinh quặng Chì kẽm, nhà máy luyện kim loại Chì kẽm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 31.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱ⁾ Trong năm Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng một phần vốn góp tại Công ty TNHH Thương mại – Xuất nhập khẩu Đại Châu cho ông Nguyễn Đức Năng là 1.750.000.000VND. Theo đó, Công ty giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty này từ 53,33% xuống còn 30%. Công ty TNHH Thương mại – Xuất nhập khẩu Đại Châu trở thành công ty liên kết của Công ty. Công ty TNHH Thương mại – Xuất nhập khẩu Đại Châu đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103428982 thay đổi lần 03 ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc thay đổi vốn góp này.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Thương mại- Xuất nhập khẩu Đại Châu là 2.250.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Là khoản góp vốn theo hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 26 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long về việc hợp tác đầu tư Hệ thống kho bãi tại khu Đô thị và phi thuế quan tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch Vụ thương mại và sản xuất Đại Hữu	5.402.341.296	-
Công ty cổ phần hàng hóa quốc tế LEESON	7.207.958.855	6.050.918.913
Công ty Cổ phần Đoàn Sơn Việt	3.239.091.337	-
Công ty TNHH Xây Dựng Sơn Anh	4.052.742.034	-
Công ty CP XD giao thông đô thị Hà Nội	1.605.778.032	1.208.178.032
Công ty TNHH Xây dựng thương mại Đức Toàn	1.953.167.700	-
Nhà cung cấp khác	6.479.201.763	5.572.516.535
Cộng	<u>29.940.281.017</u>	<u>12.831.613.480</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP TM xây dựng Ánh Lộc	-	2.500.000.000
Công ty TNHH Damsel Việt Nam	-	976.000.000
Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng Hùng Phú	300.000.000	300.000.000
Cộng	<u>300.000.000</u>	<u>3.776.000.000</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.575.241.847	672.353.766	(2.247.595.613)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	14.094.230	(14.094.230)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	43.863.221	(39.925.975)	3.937.246
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.742.000	(4.742.000)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	571.704.233	(571.704.233)	-
Cộng	<u>1.575.241.847</u>	<u>1.309.757.450</u>	<u>(2.881.062.051)</u>	<u>3.937.246</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	18.571.815	15.557.333
Trích trước chi phí thuế đất phải trả	-	243.272.727
Cộng	<u>18.571.815</u>	<u>258.830.060</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	173.277.338	173.277.338
Cổ tức năm 2011 phải trả	7.302.327.480	7.302.327.480
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	90.028.135	67.057.561
Cộng	<u>7.565.632.953</u>	<u>7.542.662.379</u>

17. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.481.000.000	12.481.000.000	10.141.000.000	10.141.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Thành (i)	9.141.000.000	9.141.000.000	10.141.000.000	10.141.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đông Đô (ii)	3.340.000.000	3.340.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V,33b)	219.996.000	219.996.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đông Đô	219.996.000	219.996.000	-	-
Cộng	<u>12.700.996.000</u>	<u>12.700.996.000</u>	<u>10.141.000.000</u>	<u>10.141.000.000</u>

(i) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hà Thành theo 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng cấp tín dụng số CHA.DN.429.050218 ngày 07/02/2018. Hạn mức tín dụng 16.500.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay là 8.5% trong ba tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ 2,5%/năm tùy thuộc vào mức độ tăng giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc của Ngân hàng Nhà nước.

- Hợp đồng tín dụng cấp hạn mức thấu chi số CHA.DN.448.050218 ngày 07/02/2018. Hạn mức thấu chi là 1.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay là 8.5% trong ba tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ 2,5%/năm tùy thuộc vào mức độ tăng giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc của Ngân hàng Nhà nước.

Khoản vay được đảm bảo bởi:

Bất động sản tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 7E-IV-11, A18 Tổ 29, Cụm 5, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội trị giá 6.650.000.000 VND thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Tiến Dũng và Bà Trần Thị Kim Ngân

Bất động sản tại căn hộ 398, nhà C22, TT Quỳnh Lôi, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội trị giá 1.098.000.000 VND thuộc sở hữu của Đường Đức Thắng, Trần Thị Viên Hiền, Đường Phương Linh.

Bất động sản tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 7E-IV-11, A18 tổ 29 cụm 5 Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội trị giá 7.593.000.000 VND thuộc sở hữu của Trần Việt Hà

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số S9 81888, số tài khoản 240367429 trị giá 2.000.000.000 VND thuộc sở hữu của Nguyễn Đức Năng

(ii) Là khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đông Đô theo HĐTDHM số LD1803800127 ngày 08/02/2018. Hạn mức tín dụng là 800.000.000 VND. Mục đích khoản vay là để thanh toán tiền hàng theo hợp đồng số 0801/HĐMB/ĐC-LS/2018 ngày 08/01/2018 với công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

CP Hàng hóa Quốc tế Leeson. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 08/02/2018, lãi suất 8,5% trong vòng 3 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi bằng lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ 2,3%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần.

Khoản vay được đảm bảo bởi 1 bất động sản tại thửa đất số LK-05:20, tờ bản đồ số QH, địa chỉ: Thôn Phú Nhi, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội theo GCN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BY 053996, số vào sổ áp GCN: CH01306 do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 26/05/2016 cho ông Nguyễn Khắc Nghĩa và bà Phương Thị Nhân. Giá trị tài sản đảm bảo là 1.156.800.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	10.141.000.000	38.366.773.110	-	(36.026.773.110)	12.481.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	219.996.000	-	219.996.000
Cộng	10.141.000.000	38.366.773.110	219.996.000	(36.026.773.110)	12.700.996.000

b. Dài hạn

Là khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Đông Đô theo hợp đồng tín dụng số LD1800300128 ngày 04/01/2018. Số tiền vay là 660.000.000 VNĐ, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 05/01/2018 đến 05/01/2021. Mục đích vay để bổ sung vốn mua xe ô tô. Lãi suất trong 12 tháng đầu tiên là 11%/năm, từ tháng thứ 13 trở đi bằng lãi suất huy động cá nhân VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau cộng thêm 3,5%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần hoặc theo quy định của Ngân hàng từng kỳ.

Khoản vay được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay: 1 chiếc ô tô con MAZDA CX5 AT 2WD, màu trắng, số khung: RN2KE5326HC071990, số máy PY20953341, biển kiểm soát số: 30F-013.98, trị giá tài sản: 844.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Phát sinh trong năm	660.000.000
Trả trong năm	(219.996.000)
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	(219.996.000)
Cộng	220.008.000

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	219.996.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	220.008.000	-
Trên 5 năm	-	-
Cộng	440.004.000	-

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số trích lập trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	92.378.900	-	-	92.378.900
Quỹ phúc lợi	164.335.665	-	(90.600.000)	73.735.665
Cộng	256.714.565	-	(90.600.000)	166.114.565

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	19.431.686.923	635.150.030.863
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(2.706.285.810)	(2.706.285.810)
Số dư cuối năm trước	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	16.725.401.113	632.443.745.053
Số dư đầu năm nay	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	16.725.401.113	632.443.745.053
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(715.726.800)	(715.726.800)
Số dư cuối năm nay	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	16.009.674.313	631.728.018.253

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.311.000	60.311.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.310.988	60.310.988
- Cổ phiếu phổ thông	60.310.988	60.310.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.455	1.455
- Cổ phiếu phổ thông	1.455	1.455
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.309.533	60.309.533
- Cổ phiếu phổ thông	60.309.533	60.309.533
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	163,36	163,36

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	4.107.272.727	105.630.562.108
Doanh thu bán thành phẩm	52.358.555.676	44.035.267.405
Cộng	<u>56.465.828.403</u>	<u>149.665.829.513</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.516.750.000	88.039.508.340
Giá vốn của thành phẩm đã bán	50.553.206.635	68.088.034.092
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.305.020.201	1.257.643.250
Cộng	<u>59.374.976.836</u>	<u>157.385.185.682</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	278.198.611	105.016.531
Lãi tiền cho vay	10.713.524.025	8.039.205.812
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	8.188.258.018
Cộng	<u>10.991.722.636</u>	<u>16.332.480.361</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.457.702.391	2.011.003.516
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	-	(2.179.017.463)
Cộng	<u>1.457.702.391</u>	<u>(168.013.947)</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	451.916.567	1.256.209.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.060.504	-
Các chi phí khác	1.269.818	28.782.337
Cộng	<u>495.246.889</u>	<u>1.284.991.721</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.451.056.894	1.780.423.439
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.612.977	30.811.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	337.236.942	422.770.879
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.335.392.625	118.343.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.869.261.918	2.139.898.163
Các chi phí khác	93.445.286	249.774.459
Cộng	<u>6.107.006.642</u>	<u>4.745.022.177</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	5.452.054.029
Phạt trả nợ trước hạn	3.000.000	-
Phạt chậm nộp bảo hiểm	-	5.638.823
Thuế bị phạt, bị truy thu	691.549.807	-
Xử lý công nợ	117.200	1.099
Cộng	<u>694.667.007</u>	<u>5.457.693.951</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2018 được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(671.863.579)	(2.706.285.810)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	691.549.807	39.374.367
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	39.374.367
<i>Chi phí không được trừ</i>	-	1.099
<i>Phạt Chậm nộp bảo hiểm</i>	-	5.638.823
<i>Khấu hao ô tô trên 1 tỷ 6</i>	-	33.734.445
<i>Thuế chậm nộp</i>	691.549.807	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>19.686.228</u>	<u>(2.666.911.443)</u>
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	19.686.228	(2.666.911.443)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>3.937.246</i>	<i>-</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>39.925.975</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>43.863.221</u>	<u>-</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(715.726.800)	(2.706.285.810)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(715.726.800)	(2.706.285.810)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>60.309.533</u>	<u>60.309.533</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(12)</u>	<u>(45)</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	60.309.533	60.309.533
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>60.309.533</u>	<u>60.309.533</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.530.098.254	68.130.042.996
Chi phí nhân công	5.775.711.817	4.746.745.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.639.534.320	2.734.069.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.125.375.678	2.671.274.209
Chi phí dự phòng	5.759.801.708	1.375.986.916
Chi phí bằng tiền khác	98.615.104	344.251.094
Cộng	<u>50.929.136.881</u>	<u>80.002.370.787</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa công ty với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Lương, thù lao		647.952.331
Lãi vay đã trả	-	3.528.393.056
Lãi vay phải trả	-	2.810.997.223
Tạm ứng chi phí	-	83.639.190
Hoàn ứng	89.300.124.924	91.640.860.832
<i>Trong đó Ông Nguyễn Đức Năng hoàn ứng</i>	<i>89.300.124.924</i>	<i>86.575.661.642</i>
Số tiền cho vay phát sinh	-	47.000.000.000
Số tiền cho vay thu trong năm	-	74.190.000.000

Số dư công nợ tại ngày 31/12/2018 các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.5a

Các bên liên quan khác của Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa	Công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất đồ gỗ.
- Lĩnh vực thương mại: Kinh doanh ô tô, mù cao su

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.107.272.727	52.358.555.676	56.465.828.403
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.107.272.727	52.358.555.676	56.465.828.403
Chi phí bộ phận	(3.516.750.000)	(55.858.226.836)	(59.374.976.836)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	590.522.727	(3.499.671.160)	(2.909.148.433)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.602.253.531)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(9.511.401.964)
Doanh thu hoạt động tài chính			10.991.722.636
Chi phí tài chính			(1.457.702.391)
Thu nhập khác			185.147
Chi phí khác			(694.667.007)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(43.863.221)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(715.726.800)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			887.107.273
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			(2.645.023.888)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.027.571.863	89.541.738.461	92.569.310.324
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			590.889.896.664
Tổng tài sản			683.459.206.988
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	7.207.958.855	16.253.120.399	23.461.079.254
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			28.270.109.481
Tổng nợ phải trả			51.731.188.735

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.474.313.862	28.669.694.706	2.474.313.862	28.669.694.706
Phải thu khách hàng	9.483.870.090	12.699.875.409	9.483.870.090	12.699.875.409
Các khoản cho vay	436.166.509.192	276.756.055.000	436.166.509.192	276.756.055.000
Các khoản phải thu khác	87.221.586.351	191.524.866.036	87.221.586.351	191.524.866.036
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	61.518.000.000	61.518.000.000	61.518.000.000	61.518.000.000
Cộng	596.864.279.495	571.168.491.151	596.864.279.495	571.168.491.151
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	12.921.004.000	10.141.000.000	12.921.004.000	10.141.000.000
Phải trả cho người bán	29.940.281.017	12.831.613.480	29.940.281.017	12.831.613.480
Các khoản phải trả khác	8.399.851.907	8.226.930.064	8.399.851.907	8.226.930.064
Cộng	51.261.136.924	31.199.543.544	51.261.136.924	31.199.543.544

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính là tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	12.700.996.000	220.008.000	-	12.921.004.000
Phải trả người bán	29.940.281.017	-	-	29.940.281.017
Các khoản phải trả khác	8.399.851.907	-	-	8.399.851.907
Cộng	51.041.128.924	220.008.000	-	51.261.136.924
Số đầu năm				
Vay và nợ	10.141.000.000	-	-	10.141.000.000
Phải trả người bán	12.831.613.480	-	-	12.831.613.480
Các khoản phải trả khác	8.226.930.064	-	-	8.226.930.064
Cộng	31.199.543.544	-	-	31.199.543.544

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Bình

Lập ngày 29 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đương Đức Hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng						
Ông Nguyễn Duy Hưng	Quá hạn trên 3 năm	308.853.000	308.853.000	Quá hạn trên 3 năm	308.853.000	308.853.000
Công ty TNHH Phước Lộc	Quá hạn từ 1 -2 năm	80.000.000	40.000.000	Quá hạn từ 1-2 năm	80.000.000	40.000.000
Chi nhánh Công ty CPXD số 1 Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	877.352.404	877.352.404	Quá hạn trên 3 năm	877.352.404	877.352.404
A CHAU 24.CO.LTD	Quá hạn trên 3 năm	35.030.617	35.030.617	Quá hạn trên 3 năm	35.030.617	35.030.617
Asia Super Market Khánh Hương	Quá hạn trên 3 năm	490.995.060	490.995.060	Quá hạn trên 3 năm	490.995.060	490.995.060
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	Quá hạn từ 1 -2 năm	308.853.000	154.426.500		308.853.000	-
CTCP nội thất KTDECOR Việt Nam	Quá hạn từ 1 -2 năm	195.118.000	97.559.000		195.118.000	-
Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp bộ quốc phòng	Quá hạn từ 1 -2 năm	25.957.250	12.978.625		25.957.250	-
Công ty CP Ngôi sao An Bình	Quá hạn từ 1 -2 năm	3.891.000	1.945.500		3.891.000	-
Công ty cổ phần đầu tư Đức Thắng (331N)	Khó có khả năng thu hồi	74.109.860	74.109.860	Khó có khả năng thu hồi	74.109.860	74.109.860
Ông Mai Hùng An (331N)	Khó có khả năng thu hồi	1.068.483.000	1.068.483.000	Khó có khả năng thu hồi	1.068.483.000	-
Cộng		3.468.643.191	3.161.733.566		3.468.643.191	1.826.340.941